TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 02 – 2018.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cho

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Á – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:***

Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc M, địa chỉ cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh H. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Ngọc M trình bày:

Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, không tổ chức đám cưới và cũng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lai Mỹ N (nữ) sinh ngày 29/5/2017, hiện nay cháu N đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- ***Bị đơn anh Trần Văn H trình bày:*** Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do con khóc, vợ chồng cãi nhau, sau đó M ẵm con về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống đã sống ly thân khoảng ba tháng nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị Mến.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lai Mỹ N (nữ) sinh ngày 29/5/2017, hiện nay cháu N đang sống với M. Sau khi ly hôn anh đồng ý để M tiếp tục nuôi cháu N, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Ngọc M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lai Mỹ N (nữ) sinh ngày 29/5/2017, hiện nay cháu N đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt nên không có ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Ngọc M và anh Trần Văn H là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Trần Lai Mỹ N (nữ) sinh ngày 29/5/2017 cho chị Trần Ngọc M tiếp tục nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Văn H không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Giữa chị Trần Ngọc M và anh Trần Văn H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống nên chị M yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn H, cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh H. Xét thấy đây là vụ án Xin ly hôn thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Giữa chị M và anh H khai thống nhất anh chị tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện đồng thời thừa nhận có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 đến nay, đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, không có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị M và anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị M và anh H trình bày thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là do chung sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị M và anh H sống chung với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn hợp pháp, đối chiếu với khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh H không được pháp luật công nhận. Không công nhận chị Trần Ngọc M và anh Trần Văn H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị M và anh H khai thống nhất có 01 con chung tên Trần Lai Mỹ N (nữ) sinh ngày 29/5/2017, hiện nay cháu Ngọc đang sống với M. Xét về điều kiện nuôi con của chị M Hội đồng xét xử nhận thấy, anh H thống nhất giao cháu N cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng. Mặt khác, chị M có công việc và thu nhập ổn định, cháu N giới tính là nữ và cũng được chị M chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ do đó để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống, ổn định cuộc sống hiện tại của cháu Ngọc. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Trần Lai Mỹ N (nữ), sinh ngày 29/5/2017 cho chị Trần Ngọc M tiếp tục nuôi dưỡng, chị M chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nên anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Văn H không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị M và anh H khai thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Trần Ngọc M phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Ngọc M và anh Trần Văn H là vợ chồng.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Lai Mỹ N (nữ) sinh ngày 29/5/2017 cho chị Trần Ngọc M tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trần Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Văn H không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Ngọc M phải chịu 300.000đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0014453 ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí (chị Mến đã nộp xong).

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Chị Trần Ngọc M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/02/2018. Anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án tròng thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Châu Thành A;
- THADS H.Châu Thành A;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Hường